

Bản án số: 29/2018/DS-ST
Ngày: 31-5-2018
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản bằng tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cường;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - Thư ký tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Biên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên
tòa:*** Ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-DS ngày
13 tháng 3 năm 2018 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5
năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1960. HKTT: ấp G, xã P,
huyện P, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: số 400/3, hẻm 1, ấp T1, thị trấn P, huyện P,
tỉnh A (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đinh Tấn T1, sinh năm 1967; Bà Nguyễn Thị L, sinh
năm 1972. Địa chỉ: Tổ 7, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm
1967. Địa chỉ: 115/22 tầng 3+4, Phạm Đình H, phường 6, Quận 6, thành phố
H theo hợp đồng ủy quyền do Văn phòng công chứng Lê Trung Hậu chứng
thực ngày 04 tháng 5 năm 2018, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016 có cho vợ chồng ông T1, bà L vay số tiền nhiều lần, cụ thể: Lần 1: ngày 25/9/2015 vay số tiền 280.000.000 đồng. Lần 2: ngày 12/3/2016 vay số tiền 120.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, không nói rõ thời hạn nhưng khi nào cần lấy tiền lại tôi sẽ cho ông T1, bà L hay trước 10 ngày, ông T1, bà L có ký biên nhận các lần nhận tiền do ông T1 lập vào ngày 25/9/2015 và ngày 12/3/2016. Sau khi ông T1, bà L đã vi phạm đợt trả tiền lãi tháng 7 năm 2016, thì sau đó ngày 12 tháng 7 năm 2016 tôi đã gặp ông T1, bà L để yêu cầu trả tiền vốn, nhưng kéo dài cho đến nay.

Nay yêu cầu ông T1, bà L trả ngay số tiền còn nợ 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất quy định từ ngày 12/7/2016 cho đến khi xét xử. Về ý kiến của ông T1 xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng thì tôi không đồng ý. Nếu ông T1 trả vốn mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ thì tôi đồng ý và không tính tiền lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 có khai nhận như sau: thừa nhận vợ chồng (T1, L) có vay tiền của ông T và còn nợ 400.000.000 đồng, đồng thời các lần nhận tiền đều có ký tên vào các biên nhận do tôi viết vào ngày 25/9/2015 và ngày 12/3/2016. Do làm ăn thất bại xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và xin ông T không tính tiền lãi. Đối với khoản tiền lãi đã đóng không có yêu cầu khấu trừ.

Tuy nhiên, bà L không có lời khai, do các lần Tòa án triệu tập bà L đều vắng mặt.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy nguyên đơn và bị đơn có sự thỏa thuận, tự nguyện giao kết hợp đồng vay. Tại phiên tòa hôm nay, ông T1, bà L không có mặt, tuy nhiên lời khai của ông T1 thể hiện tại hồ sơ thống nhất nợ vay và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng không được nguyên

đơn đồng ý. Nguyên đơn yêu cầu trả vốn và yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu này là phù hợp quy định pháp luật. Mặc dù, bà L không có ý kiến, nhưng lời khai và các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giao dịch này đều do vợ chồng bà thỏa thuận với ông T. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn, bị đơn trình bày vẫn giữ nguyên ý kiến;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng giao dịch này giữa ông T với ông T1, bà L là sự thỏa thuận để cho vay số tiền 400.000.000 đồng. Do đó, Giao dịch này phù hợp theo quy định điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, cùng với chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn. Cũng như lời khai nhận của bị đơn ông T1 thừa nhận còn nợ ông T 400.000.000 đồng, là phù hợp với chứng cứ các biên nhận lập vào ngày 25/9/2015 và ngày 12/3/2016. Từ trình bày của nguyên đơn và bị đơn có cơ sở xác định ông T1, bà L có vay số tiền này của ông T và xác định hợp đồng vay này không kỳ hạn và có lãi. Nên bên vay phải có nghĩa vụ trả lại tiền khi đến hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận 2%/tháng vượt quá lãi suất cơ bản được quy định khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, về lãi suất được áp dụng theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% bằng 1.125%. Từ khi cho vay các bên không thỏa thuận được thời hạn. Tuy nhiên, từ sau khi ông T1, bà L không trả lãi thì ông T đã có nhắc nhở và kéo dài đến khi khởi kiện, do đó, ngày 12 tháng 8 năm 2016 ông T yêu cầu trả nợ, được tính là ngày đến hạn của hợp đồng vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà L không có ý kiến, nhưng xét thấy từ lời khai của ông T, cùng với lời khai của ông T1 và chứng cứ là các biên nhận do ông T1 lập ghi ngày 25/9/2015 và ngày 12/3/2016. Cho thấy giao

dịch này do vợ chồng ông T1, bà L cùng xác lập. Nên bà L có trách nhiệm L đới trả nợ vay này với ông T1.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T1, bà L có trách nhiệm trả cho ông T số nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi (tính từ 12/7/2016 đến ngày xét xử 31/5/2018) là 21 tháng 19 ngày bằng 688 ngày.

Lãi suất được tính: 400.000.000 đồng x 1,125% x 688 ngày = 103.200.000 đồng.

Tổng cộng vốn và tiền lãi: 503.200.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 1, 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Đình Tấn T1 và bà Nguyễn Thị L trả tiền vay.

- Buộc ông Đình Tấn T1, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm L đới trả cho ông Nguyễn T tiền vốn vay 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) và tiền lãi 103.200.000 đồng, tổng cộng 503.200.000 đồng (*năm trăm, lẻ ba triệu, hai trăm ngàn đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đình Tấn T1 và bà Nguyễn Thị L phải chịu 24.128.000 đồng (*hai mươi bốn triệu, một trăm hai mươi tám ngàn đồng*) tiền án phí.

Ông Nguyễn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0004037 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tỉnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ